

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **286/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/6/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Vũ Bình**;

2. Ông **Mai Lưu Quốc Đạt**

- H ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị I**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B (nay ấp D), xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn F**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B (nay ấp D), xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị I trình bày: Bà và ông F cưới nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hoà Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 11/4/1997. Quá trình ông bà sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông F thường xuyên ăn nhậu, đập phá đồ đạc, thường xuyên tranh cãi và sống ly thân từ năm 2010 đến nay, nay bà nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông F

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ánh G, sinh ngày 12/6/1990 và Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 26/6/1999. Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn F từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng ông F vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị I vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn F.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ánh G, sinh ngày 12/6/1990 và Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 26/6/1999. Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của bà Nguyễn Thị I về việc tranh chấp “ly hôn” với ông Nguyễn Văn F thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị I, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Nguyễn Văn F và bà Nguyễn Thị I tự nguyện cưới nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 11/4/1997. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do F Thường xuyên ăn nhậu không lo cho vợ con, đập phá đồ đạc, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn. Ông bà sống ly thân từ năm 2010, nay bà nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với F. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông F nhưng ông vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà I, điều đó chứng tỏ ông F không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà I là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ánh G, sinh ngày 12/6/1990 và Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 26/6/1999. Các con đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Đối với ông Nguyễn Văn F, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông F.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 80, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị I.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị I được ly hôn với ông Nguyễn Văn F.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ánh G, sinh ngày 12/6/1990 và Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 26/6/1999. Các con đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị I phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà I đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004764 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang nên bà đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn F được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng